

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/HS-ST
Ngày 14/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thỏ;
Bà Nguyễn Thị Hiên.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạm là Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Ông Ma Phúc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tổ 7, 8 thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang xét xử lưu động sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 26 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo:

Vừ Văn T; sinh ngày 02 tháng 01 năm 1979 tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 08/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vừ Mí P (đã chết) và bà Thào Thị M, sinh năm 1942; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; bị bắt, tạm giam ngày 23/8/2018 hiện nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Bị hại: Bà Nguyễn Thị Y; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Tổ 4, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Thào Thị M; sinh năm 1942; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

- Người làm chứng: Bà Vừ Thị S; sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23 tháng 8 năm 2018, Vũ Văn T sinh năm 1979 ở thôn N, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hà Giang nghe thấy tiếng xe mô tô (*xe máy*) của chị Nguyễn Thị Y là hàng xóm đi làm, nảy sinh ý định lợi dụng sơ hở đột nhập vào nhà chị Y tìm trộm cắp tài sản nên T đi đến trước cổng nhà chị Y thấy cổng nhà không khóa chỉ khép hờ liền mở cửa vào trong rồi khép cổng lại, đi vào đến hiên cửa nhà thấy cửa chính vào nhà không khóa, T mở cửa đi vào trong phòng khách quan sát thấy phòng ngủ của chị Y khóa cửa nghĩ rằng phòng này có cất giữ tài sản nên T dùng 01 chiếc kéo dài khoảng 20cm để gần đó cạy phá làm chốt khóa bật ra rồi mở cửa phòng đi vào trong phòng ngủ lục tìm tài sản và tiếp tục dùng chiếc kéo trên cạy phá ngăn tủ ở đầu giường ngủ lấy trộm được tổng số tiền là 22.338.000^d; sau khi lấy trộm được số tiền trên, T đi về nhà cất giấu 22.000.000đ ở phía dưới gối ngủ của mình, số tiền còn lại là 338.000^d T cất giấu vào túi quần của mình rồi rủ bạn đi uống bia thì bị phát hiện bắt giữ, khám xét trên người của T thu giữ được số tiền là 355.000^d; cơ quan điều tra đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T và thu giữ được số tiền 22.000.000^d. Tổng số tiền khám xét trên người và khám xét chỗ ở của T thu giữ được số tiền là 22.355.000^d.

Tại bản Kết luận giám định số: 296/KL-PC09 ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận tổng số tiền 22.355.000^d thu giữ được của Vũ Văn T trong quá trình điều tra là: “Số tiền Việt Nam gửi giám định là tiền thật (có bảng kê mệnh giá và số seri kèm theo)”.

Trước cơ quan điều tra Vũ Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của mình phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra kèm sơ đồ bản ảnh, vật chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Lời khai của bị cáo còn được chứng minh bởi lời khai của người bị hại Nguyễn Thị Y; lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Thảo Thị M, người làm chứng Vũ Thị S. Sau khi sự việc xảy ra người bị hại là chị Nguyễn Thị Y đã nhận lại số tiền bị mất là 22.338.000^d nên không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Bản cáo trạng số: 14/CT-VKS-YM ngày 26/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Văn T về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Văn T từ 18 đến 24 tháng tù.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thấy hành vi trộm cắp của mình là sai trái chỉ vì mong muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chị Y lén lút trộm

cấp số tiền 22.338.000^d, bị cáo rất ân hận về hành vi của mình, đồng thời bị cáo không có ý kiến tranh luận gì và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, chỉ xin được giảm nhẹ hình phạt.

Xử lý vật chứng: Trả lại cho chủ sở hữu, bà Nguyễn Thị Y là bị hại gồm: 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp, kích thước (3,05x3x0,6cm), ổ khóa bị cạy bung mất ba ốc vít cố định: 01 chiếc kéo dài 20cm màu trắng bạc, phần tay bọc nhựa màu cam dài 08cm, phần lưỡi bằng kim loại dài 12cm, rộng 0,2cm, dày 0,6cm và tổng số tiền 22.338.000^d. Trả lại cho bà Thảo Thị M là đại diện người quản lý hợp pháp tài sản của Vũ Văn T số tiền là 17.000^d. Tại Quyết định xử lý vật chứng số: 01/QĐXLVC ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị hại xác nhận đã nhận lại được 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiệp, 01 chiếc kéo và số tiền bị trộm cắp là 22.338.000^d nên không yêu cầu bị cáo T phải bồi thường gì thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật để làm gương, giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

Bị cáo nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Bản thân bị cáo biết mình đã sai là trộm cắp tài sản của chị Yên, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật.

Sau khi thẩm tra các chứng cứ có trong hồ sơ, nghe lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, các lời khai và lời nhận tội của bị cáo trước tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra còn phù hợp với biên bản xác định hiện trường, Kết luận giám định cùng với toàn bộ chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn T một lần nữa thừa nhận đã thực hiện hành vi là: Khoảng 07 giờ ngày 23 tháng 8 năm 2018, sau khi biết chị Nguyễn Thị Y đi làm vắng nhà nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, Vũ Văn T đã thực hiện hành vi lén lút đột nhập vào trong nhà chị Y dùng chiếc kéo có ở trong nhà chị Y cạy phá cửa buồng ngủ và ngắt tủ đầu giường ngủ chiếm đoạt tài sản là số tiền 22.338.000^d của chị Y đang quản lý, sở hữu và cất giữ, sau đó đem số tiền trộm cắp được về cất giấu 22.000.000^d ở phía dưới gối trong phòng ngủ của mình, số tiền còn lại là

338.000^d cất giấu vào túi quần thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Vũ Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo về tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y là có căn cứ, Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Vũ Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[2] Về tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm pháp luật hình sự. Chỉ vì muốn có được tài sản của người khác mà không phải bỏ công sức lao động, trong khi bị cáo là người khỏe mạnh, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được quyền về tài sản của người khác là thiêng liêng bất khả xâm phạm, bất kỳ ai chiếm hữu trái phép tài sản của người khác đều trái pháp luật và gây nguy hiểm cho xã hội, nhưng bị cáo vẫn cố ý trực tiếp với mục đích chiếm đoạt được tài sản của chị Y. Hành vi của bị cáo gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn tại địa phương gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, mặt khác theo nhận định của chính quyền địa phương nơi bị cáo thường trú thì bị cáo là đối tượng ham chơi, lười lao động có nhiều biểu hiện nghi vấn trong việc mất trộm tài sản trên địa bàn. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục, cải tạo đối với bị cáo, đồng thời cũng để răn đe, giáo dục phòng ngừa và chống tội phạm.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; ngoài ra bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; người phạm tội là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế.

[4] Về trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng: Quá trình điều tra vụ án, bị hại Nguyễn Thị Y đã nhận lại số tiền bị trộm cắp là 22.338.000^d; 01 ổ khóa nhãn hiệu Việt Tiếp, kích thước (3,05x3x0,6cm), ổ khóa bị cạy bung mất ba ốc vít cố định; 01 chiếc kéo dài 20cm màu trắng bạc và không có yêu cầu gì thêm. Bà Thảo Thị M là đại diện người quản lý hợp pháp tài sản của Vũ Văn T đã nhận đủ số tiền là 17.000^d không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo T không có tài sản và nghề nghiệp ổn định nên không có điều kiện để nộp phạt. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

1. Tuyên bố: Bị cáo Vũ Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt: Bị cáo Vũ Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 23/8/2018.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Văn T phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKS tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Phòng PC 81, PV 06 CA tỉnh Hà Giang;
- VKS huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Cơ quan THA huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Bị cáo; bị hại; Người CQL,NVLQ;
- Lưu hsva, hstha, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đoàn Ngọc Vĩnh

